CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM LABDAWACO
Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com
Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 77/CLN/XNSXNS-LABDAWACO Ngày 22/02/2020

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA NHÀ MÁY NƯỚC HÒA TRUNG

Ngày lấy mẫu : 17/02/2020 Tuần : 08 Tháng: 02/2020

Ngày nhận mẫu : 17/02/2020 Ký hiệu mẫu : XLHT

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa, khoảng 1500ml

Người lấy mẫu : Phạm Thị Thúy

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	6	≤15	18-22/02/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	0	Không mùi, vị lạ	18-22/02/2020
3	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	0.29	≤2	18-22/02/2020
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7.20	6,5-8,5	18-22/02/2020
5	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	mg/l	TCVN 6224:1996	30	≤300	18-22/02/2020
6	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/l	HACH HQ14d	37.0	≤1000	18-22/02/2020
7	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	12.4	≤300	18-22/02/2020
8	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	0.051	≤0,3	18-22/02/2020
9	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002 - 1995	0.000	≤0,3	18-22/02/2020
10	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN 6178:1996	0.000	≤3	18-22/02/2020
11	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN 6180:1996	0.57	≤50	18-22/02/2020
12	Hàm lượng Sunphat	mg/l	TCVN 6200:1996	1.3	≤250	18-22/02/2020
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0.35	≤2	18-22/02/2020
14	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH (<1)	0	18-22/02/2020
15	E. coli		TCVN 6187-2:1996	KPH (<1)	0	18-22/02/2020
16	Clo dư	mg/l	PP so màu	0.50	0,3 - 0,5	17/2/2020

*** Ghi chú:**

- Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc Xí nghiệp Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG

GIÁM ĐỐC **TỔ XÉT NGHIỆM**

PHAN LƯU **PHẠM VIỆT HƯNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM LABDAWACO
Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com
Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 61/CLN/XNSXNS-LABDAWACO Ngày 15/02/2020

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA NHÀ MÁY NƯỚC HÒA TRUNG

Ngày lấy mẫu : 10/02/2020 Tuần : 07 Tháng: 02/2020

Ngày nhận mẫu : 10/02/2020 Ký hiệu mẫu : XLHT

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa, khoảng 1500ml

Người lấy mẫu : Nguyễn Thị Mỹ Hà

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	4	≤15	11-15/02/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	0	Không mùi, vị lạ	11-15/02/2020
3	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	0.52	≤2	11-15/02/2020
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	7.20	6,5-8,5	11-15/02/2020
5	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	mg/l	TCVN 6224:1996	24	≤300	11-15/02/2020
6	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/l	HACH HQ14d	33.0	≤1000	11-15/02/2020
7	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	10.2	≤300	11-15/02/2020
8	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	0.098	≤0,3	11-15/02/2020
9	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002 - 1995	0.000	≤0,3	11-15/02/2020
10	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN 6178:1996	0.000	≤3	11-15/02/2020
11	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN 6180:1996	0.54	≤50	11-15/02/2020
12	Hàm lượng Sunphat	mg/l	TCVN 6200:1996	1.6	≤250	11-15/02/2020
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0.27	≤2	11-15/02/2020
14	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH (<1)	0	11-15/02/2020
15	E. coli		TCVN 6187-2:1996	KPH (<1)	0	11-15/02/2020
16	Clo dư	mg/l	PP so màu	0.50	0,3 - 0,5	10/2/2020

*** Ghi chú:**

- Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc Xí nghiệp Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

GIÁM ĐỐC **TỔ XÉT NGHIỆM**

M.S.C.N: 0400101066-01 C.T.C.P XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

PHAN LƯU **PHẠM VIỆT HƯNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM LABDAWACO
Website: www.dawaco.com.vn; Email: dawacojsc@gmail.com
Trụ sở: Số 57 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - Đà Nẵng. Điện thoại: (0236) 3697.737; Fax: (0236) 3697.222; LabDawaco: (0236) 3702.662

Số: 52/CLN/XNSXNS-LABDAWACO Ngày 08/02/2020

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC SAU XỬ LÝ CỦA NHÀ MÁY NƯỚC HÒA TRUNG

Ngày lấy mẫu : 03/02/2020 Tuần : 06 Tháng: 02/2020

Ngày nhận mẫu : 03/02/2020 Ký hiệu mẫu : XLHT

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa, khoảng 1500ml

Người lấy mẫu : Phạm Thị Thúy

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Màu sắc	Pt-Co	TCVN 6185:2015	6	≤15	04-08/02/2020
2	Mùi vị		Cảm quan	0	Không mùi, vị lạ	04-08/02/2020
3	Độ đục	NTU	TCVN 6184:2008	0.30	≤2	04-08/02/2020
4	pH	pH	TCVN 6492:2011	6.99	6,5-8,5	04-08/02/2020
5	Độ cứng, tính theo $CaCO_3$	mg/l	TCVN 6224:1996	28	≤300	04-08/02/2020
6	Tổng chất rắn hòa tan TDS	mg/l	HACH HQ14d	20.9	≤1000	04-08/02/2020
7	Hàm lượng Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	11.0	≤300	04-08/02/2020
8	Hàm lượng Sắt tổng số	mg/l	TCVN 6177:1996	0.031	≤0,3	04-08/02/2020
9	Hàm lượng Mangan tổng số	mg/l	TCVN 6002 - 1995	0.013	≤0,3	04-08/02/2020
10	Hàm lượng Nitrit	mg/l	TCVN 6178:1996	0.000	≤3	04-08/02/2020
11	Hàm lượng Nitrat	mg/l	TCVN 6180:1996	0.66	≤50	04-08/02/2020
12	Hàm lượng Sunphat	mg/l	TCVN 6200:1996	1.6	≤250	04-08/02/2020
13	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCVN 6186:1996	0.73	≤2	04-08/02/2020
14	Coliform tổng số	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	KPH (<1)	0	04-08/02/2020
15	E. coli		TCVN 6187-2:1996	KPH (<1)	0	04-08/02/2020
16	Clo dư	mg/l	PP so màu	0.50	0,3 - 0,5	3/2/2020

*** Ghi chú:**

- Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc Xí nghiệp Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- 'Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp. MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

*** Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

GIÁM ĐỐC **TỔ XÉT NGHIỆM**

M.S.C.N: 0400101066-011-C.T.C.P XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT NƯỚC SẠCH - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

PHAN LƯU **PHẠM VIỆT HƯNG**